TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 200/2020/QĐST-HNGĐ	*Bắc Quang, ngày 16 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 260/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; dân tộc Kinh;

- Bị đơn: Chị Phan Thị G; sinh năm 1990; dân tộc: Kinh;

Cùng trú tại: Tổ M, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; khoản 7 Điều 26; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị G .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị G thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Các đương sự thống nhất thỏa thuận, chị Phan Thị G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn

Bảo H, sinh ngày 15/9/2013. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên 01 tháng; Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi; Phương thức cấp dưỡng theo tháng 01 lần vào ngày 25 (dương lịch) hàng tháng; Người nhận tiền cấp dưỡng nuôi cháu H là chị Phan Thị G.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này anh T, chị G có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

***Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung*:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự thống nhất thỏa thuận, anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 20/11/2020 theo biên lai số 0001291.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND H. Bắc Quang;
- UBND TT Việt Quang;
- Chi cục THADS H.Bắc Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Tuấn Vĩnh